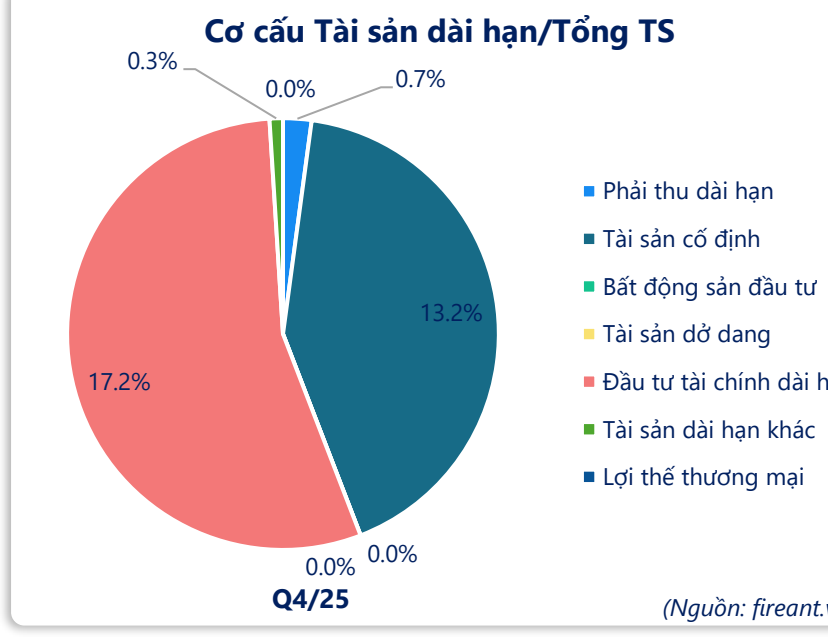
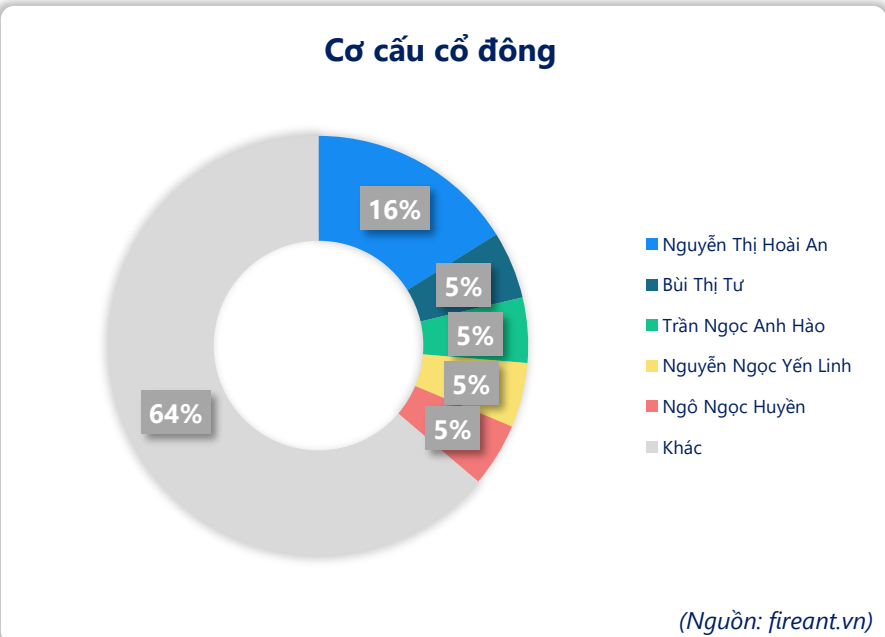
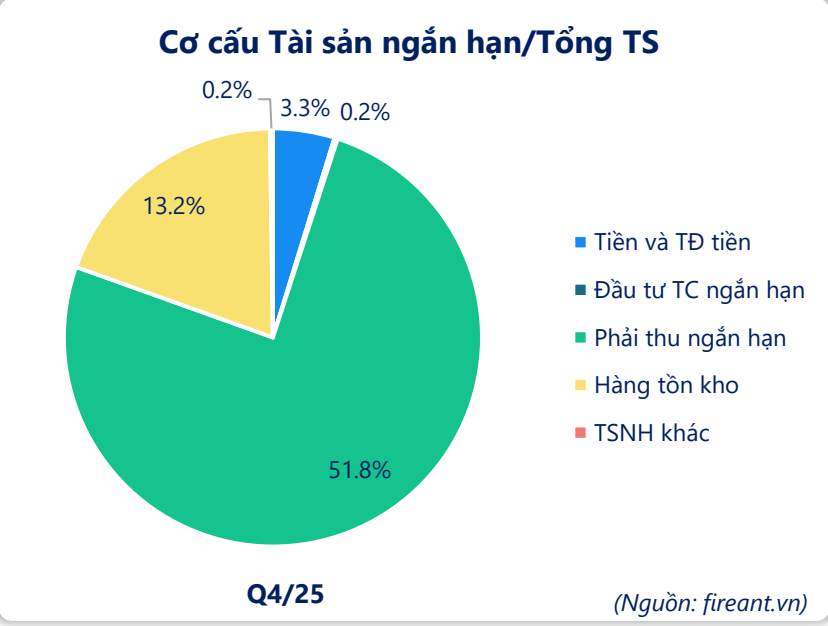
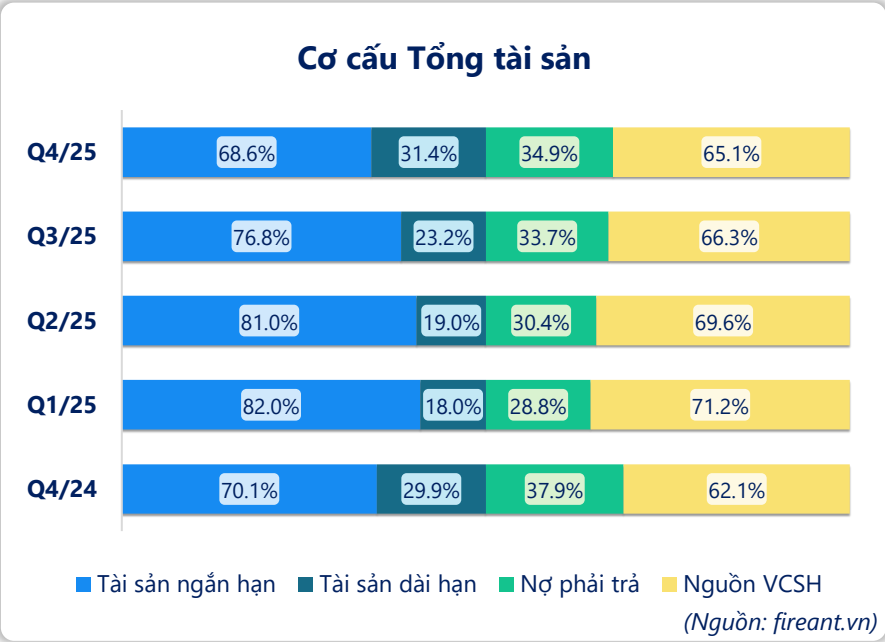
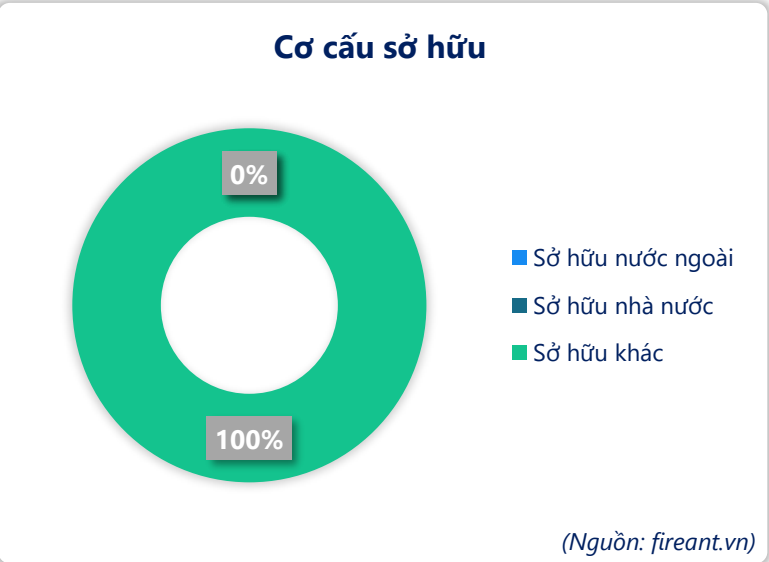
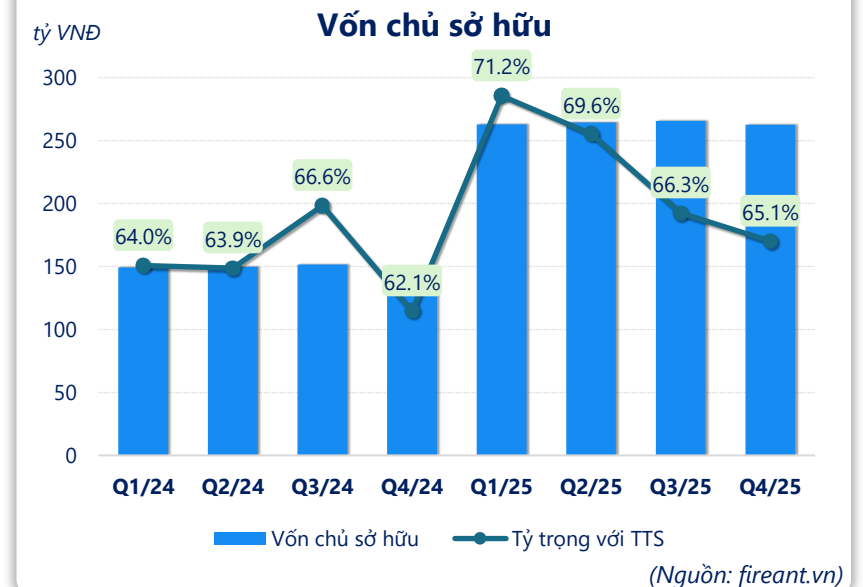
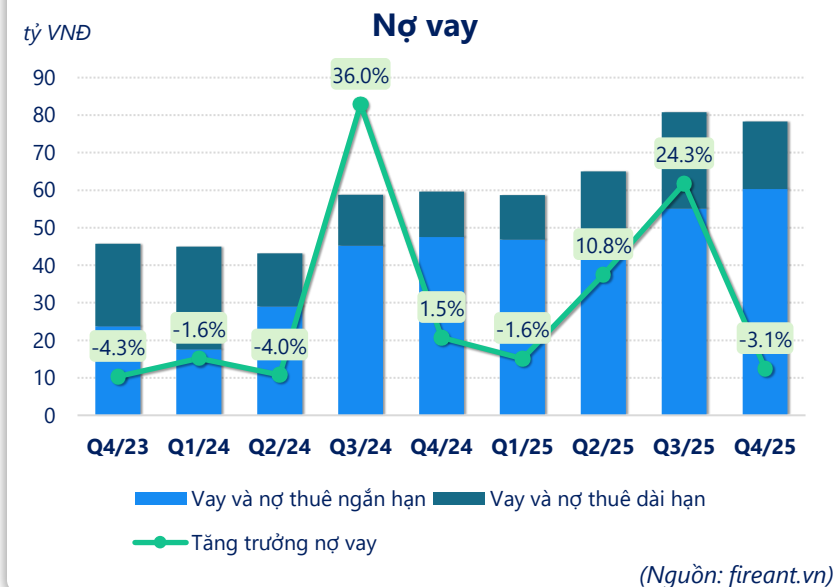
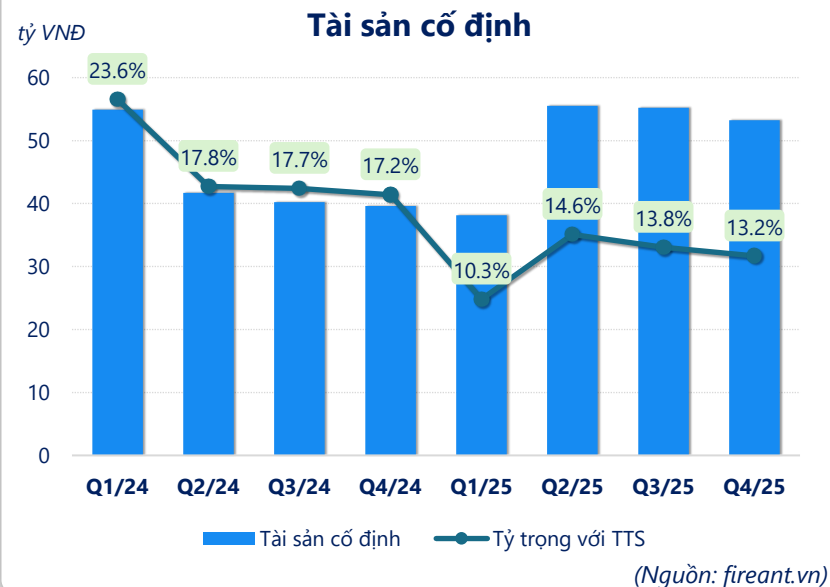
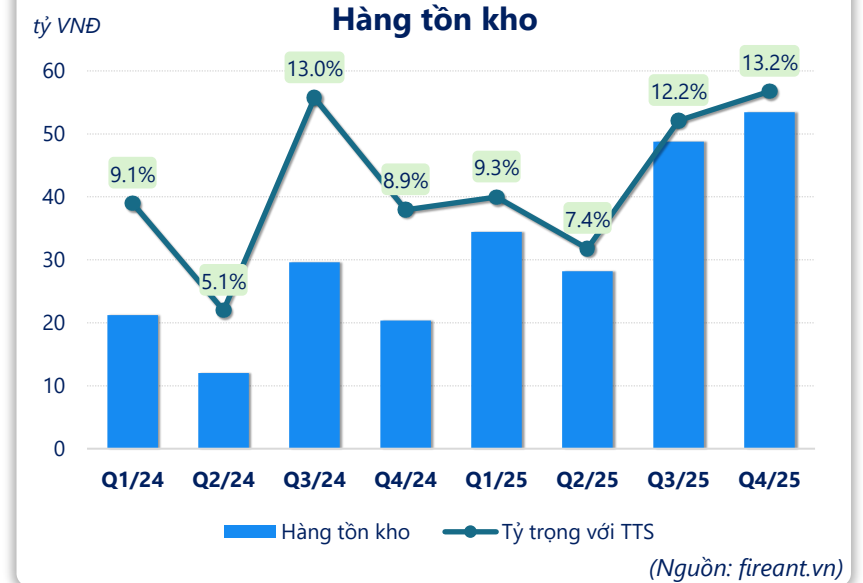
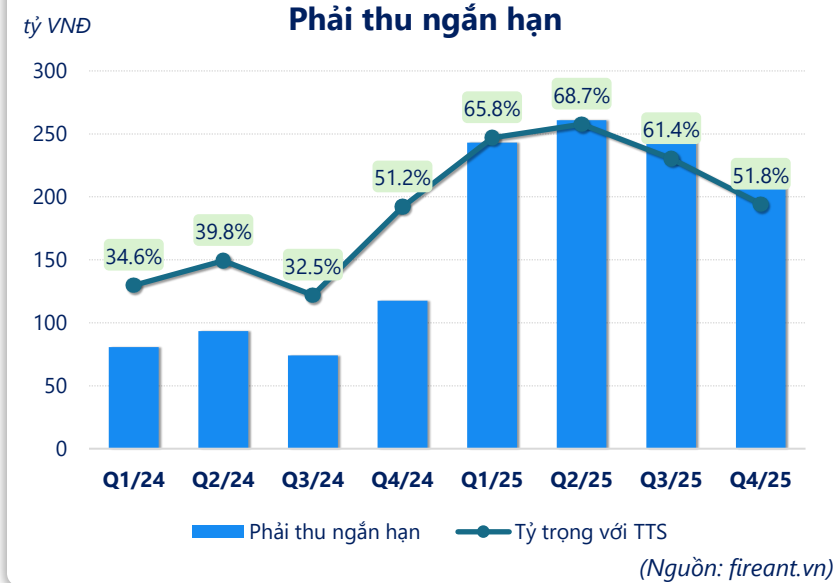
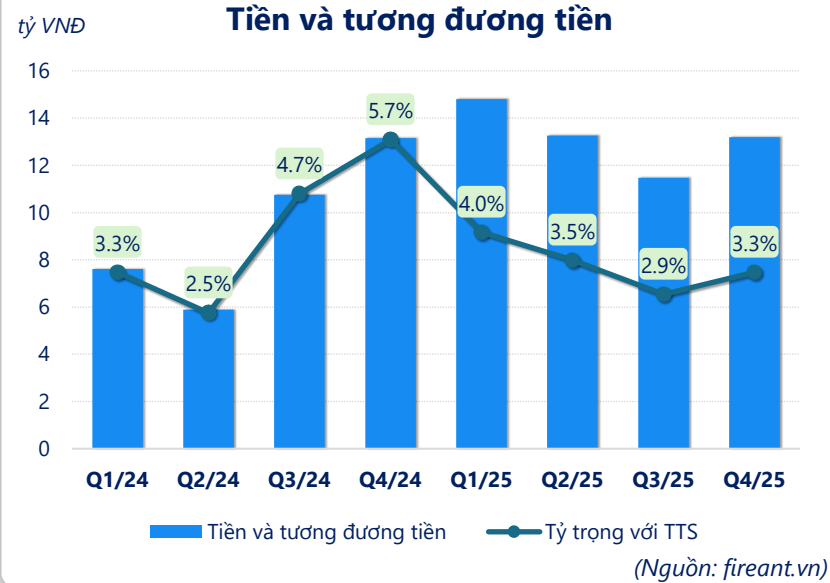
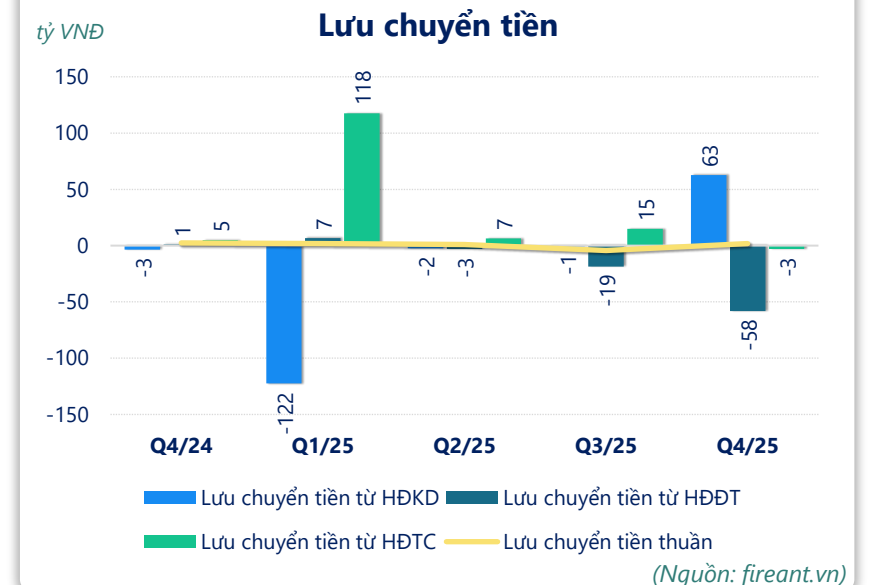
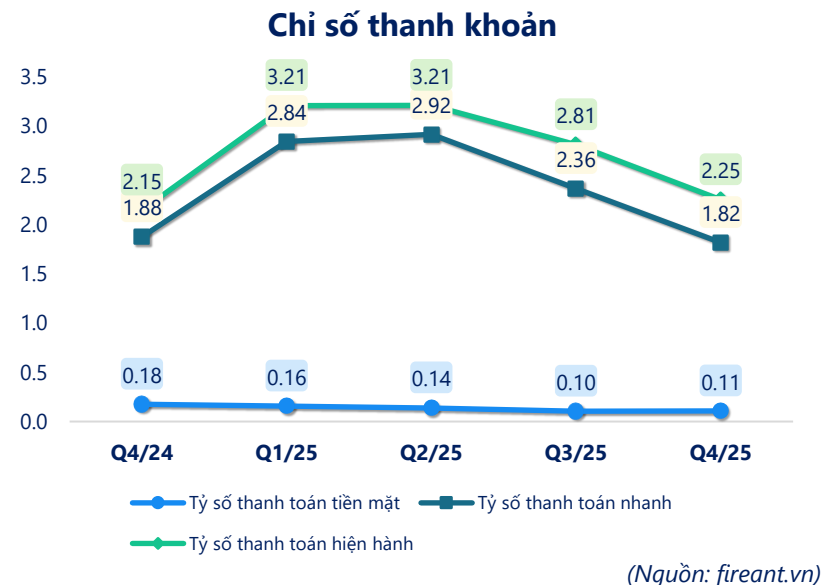
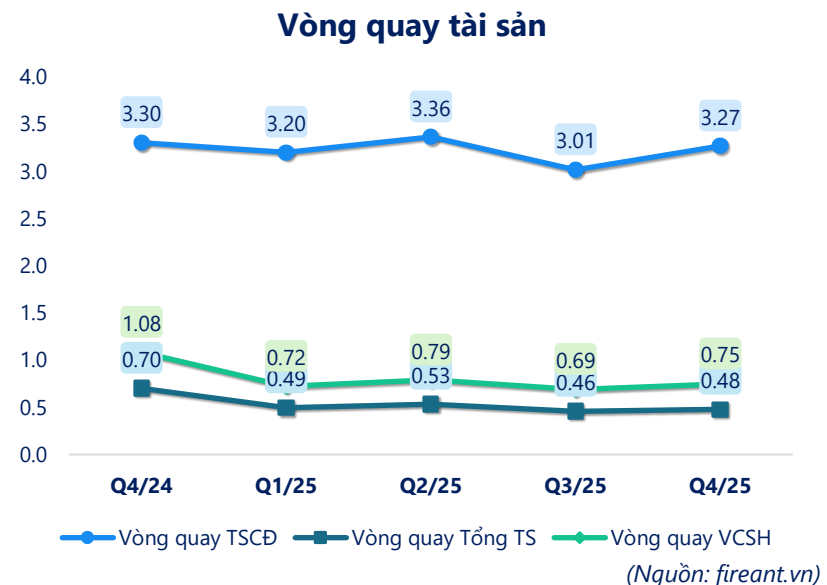
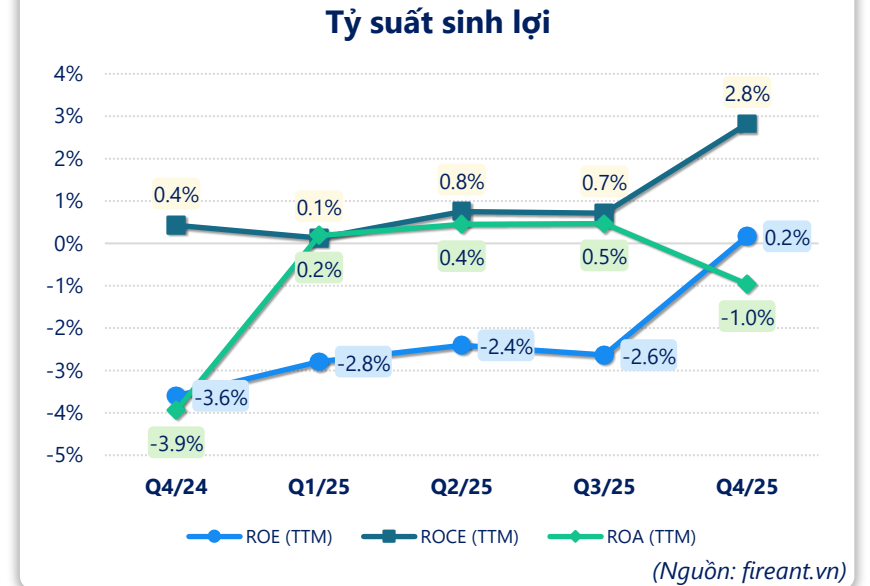
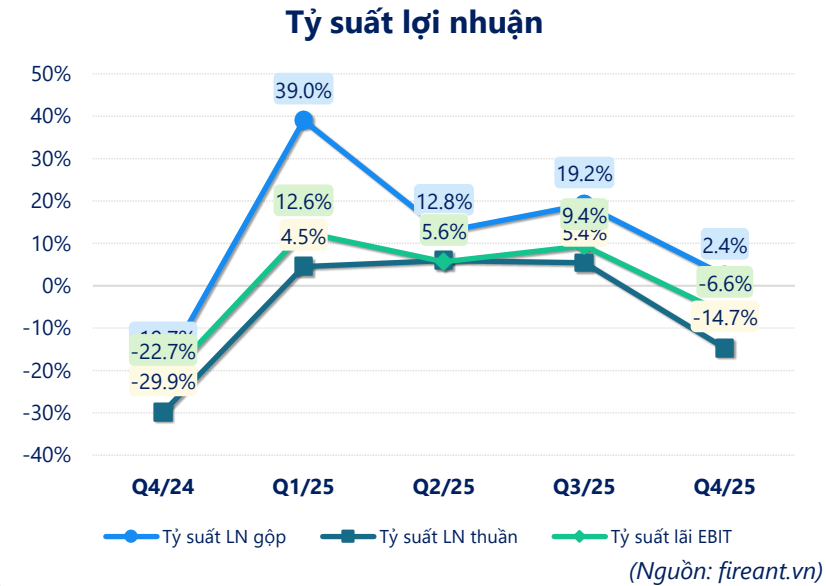
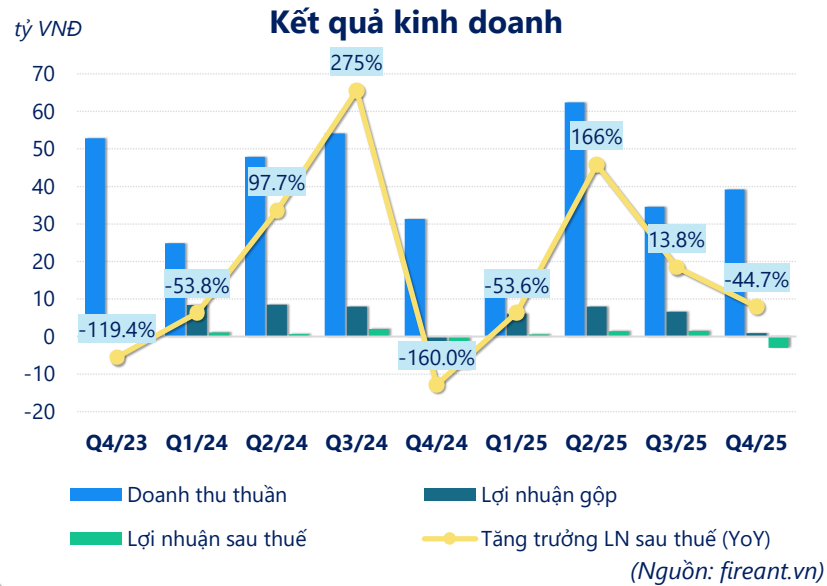


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,300
SL cổ phiếu LH		24,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		28,700
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		151
P/E		447.5
EPS		14

	YTD	1T	3T	6T
VTD	-20.3%	-6.0%	-17.1%	-31.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	404	227	77.8%
Tài sản ngắn hạn	277	158	75.0%
Tiền và tương đương tiền	13.2	13.1	0.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.70	7.70	-90.9%
Phải thu ngắn hạn	209	129	61.8%
Hàng tồn kho	53.5	6.27	752%
Tài sản ngắn hạn khác	0.62	2.06	-69.7%
Tài sản dài hạn	127	68.9	84.0%
Phải thu dài hạn	2.70	14.0	-80.7%
Tài sản cố định	53.3	39.6	34.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	69.5	13.5	414%
Tài sản dài hạn khác	1.27	1.72	-26.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	141	84.5	66.9%
Nợ ngắn hạn	123	73.6	67.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	60.3	48.7	23.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	25.0	17.8	41.0%
Nợ dài hạn	18.0	10.9	64.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	18.0	10.9	64.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	263	143	84.2%
Vốn chủ sở hữu	263	143	84.2%
Vốn điều lệ	240	120	100%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	31.3	15.6	62.4	34.6	39.2
Giá vốn hàng bán	37.5	9.51	54.4	27.9	38.2
Lợi nhuận gộp	-6.18	6.08	7.96	6.64	0.93
Doanh thu HĐTC	3.70	0.14	0.25	0.08	0.01
Chi phí TC	2.46	1.29	1.39	1.44	1.63
Chi phí lãi vay	2.59	1.29	1.39	1.40	1.62
LN trong công ty LKLD	0	0	0.00	0.00	0
Chi phí bán hàng	0.99	1.36	0.88	1.16	1.17
Chi phí QLDN	3.44	2.87	2.24	2.25	3.92
LN thuần từ HĐKD	-9.35	0.70	3.70	1.88	-5.78
Lợi nhuận khác	-0.34	-0.02	-1.58	-0.04	1.57
LN trước thuế	-9.69	0.68	2.12	1.85	-4.21
Lợi nhuận sau thuế	-8.89	0.55	1.38	1.47	-3.06
LNST của CĐ cty mẹ	-8.89	0.55	1.38	1.47	-3.06

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.49	-122	-2.45	-0.67	62.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.00	6.66	-3.06	-18.5	-58.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.89	118	6.52	14.9	-2.98
Tiền đầu kỳ	10.7	13.1	14.8	15.8	11.5
Lưu chuyển tiền thuần	2.40	1.73	1.01	-4.34	1.72
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.2	14.8	15.8	11.5	13.2

(Nguồn: fireant.vn)